

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ  
XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN  
NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018	14 - 38

\*\*\*\*\*



**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

**Khái quát về Công ty**

Công ty là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 2800799804, đăng ký lần đầu ngày 18 tháng 5 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 07 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Trong đó, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 7 ngày 22 tháng 10 năm 2018 về việc thay đổi vốn điều lệ.

**Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại : 0246.2699988
- Fax : 0246.2699977

**Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:**

- Đầu tư xây dựng các dự án thủy điện; sản xuất và kinh doanh điện năng; tư vấn xây lắp các công trình điện;
- Nhận thầu xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, cơ sở hạ tầng khác; xây dựng và kinh doanh nhà ở, văn phòng cho thuê;
- Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng; Kinh doanh khách sạn, du lịch;
- Dịch vụ cho thuê, sửa chữa, bảo dưỡng xe máy, thiết bị;
- Kinh doanh thiết bị xây dựng; Kinh doanh Bất động sản;
- Tư vấn đầu tư (Không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, thuế, kiểm toán, kế toán, chứng khoán); tư vấn quản lý dự án (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật);
- Thăm tra các công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, thủy lợi, thủy điện;
- Khai thác quặng thiếc, quặng vonfram, quặng kim loại quý hiếm (Không bao gồm xuất khẩu vàng quặng nguyên liệu);
- Khai thác đất đá, cát sỏi, đất sét.

**Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý**

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**Hội đồng quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Vương Hoàng Minh	Chủ tịch	Ngày 01 tháng 7 năm 2015	
Ông Nguyễn Tuấn Cường	Ủy viên	Ngày 26 tháng 3 năm 2014	
Ông Thân Thế Hà	Ủy viên	Ngày 26 tháng 3 năm 2014	
Ông Lê Văn An	Ủy viên	Ngày 26 tháng 3 năm 2014	
Ông Vũ Đức Quang	Ủy viên	Ngày 26 tháng 3 năm 2014	
Ông Phạm Bảo Long	Ủy viên	Ngày 01 tháng 7 năm 2015	
Ông Phạm Huy Hùng	Ủy viên	Ngày 01 tháng 4 năm 2017	Ngày 02 tháng 10 năm 2018

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**  
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

**Ban kiểm soát**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Bà Nguyễn Thị Kim Loan	Trưởng ban	Ngày 26 tháng 3 năm 2014
Bà Nghiêm Quỳnh Chi	Thành viên	Ngày 26 tháng 3 năm 2014
Bà Nguyễn Thị Phương Mai	Thành viên	Ngày 26 tháng 3 năm 2014
Ông Vũ Văn Mạnh	Thành viên	Ngày 26 tháng 3 năm 2014

**Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Phạm Bảo Long	Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 7 năm 2015
Ông Ngô Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 11 năm 2016
Ông Đỗ Vương Cường	Phó Tổng Giám đốc	Ngày 01 tháng 8 năm 2018

**Đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phạm Bảo Long - Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2015).

**Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018 của Công ty.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.


Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**  
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc, 



**Phạm Bảo Long**  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 01 năm 2019

Số: 2.0043/19/TC-AC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG  
VINACONEX**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 30 tháng 01 năm 2019, từ trang 07 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C**  
**Chi nhánh Hà Nội**



**Nguyễn Thị Tư - Phó Giám đốc**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0059-2018-008-1

**Trần Kim Anh - Kiểm toán viên**  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1907-2018-008-1

Hà Nội, ngày 30 tháng 01 năm 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>218.265.522.678</b>	<b>108.365.883.811</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>100.152.226.892</b>	<b>6.277.830.941</b>
1. Tiền	111		20.152.226.892	6.277.830.941
2. Các khoản tương đương tiền	112		80.000.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>1.000.000.000</b>	<b>-</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	1.000.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>100.519.438.275</b>	<b>91.180.039.914</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	82.374.474.243	47.038.517.803
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	350.834.000	3.920.001.071
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	41.594.130.032	40.221.521.040
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(23.800.000.000)	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>16.166.865.786</b>	<b>10.837.231.136</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.7	16.166.865.786	10.837.231.136
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>426.991.725</b>	<b>70.781.820</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	426.991.725	70.781.820
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>1.027.495.832.692</b>	<b>1.087.796.660.626</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>909.116.369.635</b>	<b>969.328.291.378</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	734.507.307.455	791.642.306.126
<i>Nguyên giá</i>	222		1.238.031.148.570	1.234.359.638.709
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(503.523.841.115)	(442.717.332.583)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	174.609.062.180	177.685.985.252
<i>Nguyên giá</i>	228		200.000.000.000	200.000.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(25.390.937.820)	(22.314.014.748)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>4.183.755.134</b>	<b>2.710.925.255</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.11	4.183.755.134	2.710.925.255
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>102.000.000.000</b>	<b>102.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	102.000.000.000	102.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>12.195.707.923</b>	<b>13.757.443.993</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	12.195.707.923	13.757.443.993
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.245.761.355.370</b>	<b>1.196.162.544.437</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>449.536.787.491</b>	<b>561.311.199.159</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>381.482.161.421</b>	<b>345.304.186.805</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	63.293.374.708	17.246.487.708
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	4.500.000.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	26.578.317.780	19.061.256.496
4. Phải trả người lao động	314		9.068.301.308	6.103.894.294
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	2.084.236.326	2.413.152.322
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	20.128.273.550	8.542.811.942
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	257.680.010.700	286.833.086.394
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	2.649.647.049	603.497.649
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>68.054.626.070</b>	<b>216.007.012.354</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	204.687.945	204.687.945
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	67.849.938.125	215.802.324.409
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>796.224.567.879</b>	<b>634.851.345.278</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.18</b>	<b>796.224.567.879</b>	<b>634.851.345.278</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		569.999.930.000	455.999.950.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		569.999.930.000	455.999.950.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.940.175.148	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		29.589.351.149	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		190.695.111.582	178.851.395.278
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		36.700.511.129	178.851.395.278
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		153.994.600.453	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.245.761.355.370</b>	<b>1.196.162.544.437</b>

Người lập biểu



Nguyễn Việt Hoàng

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Bình

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2019



Tống Giám đốc

Phạm Bảo Long

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

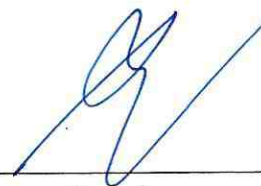
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	587.877.831.247	427.819.356.108
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		587.877.831.247	427.819.356.108
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	236.779.408.994	218.073.325.058
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		351.098.422.253	209.746.031.050
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	2.533.255.766	1.450.163.017
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	33.781.723.430	38.975.439.096
Trong đó: chi phí lãi vay	23		31.674.491.214	38.334.615.332
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	65.783.881.070	28.323.123.444
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		254.066.073.519	143.897.631.527
11. Thu nhập khác	31	VI.6	182.960.000	-
12. Chi phí khác	32	VI.7	233.215	48.127.129
13. Lợi nhuận khác	40		182.726.785	(48.127.129)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		254.248.800.304	143.849.504.398
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.13	14.754.210.351	7.951.863.805
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>239.494.589.953</u>	<u>135.897.640.593</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	-	-

Người lập biểu



Nguyễn Việt Hoàng

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Bình

Lập ngày 30 tháng 01 năm 2019



Tông Giám đốc



Phạm Bảo Long

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		254.248.800.304	143.849.504.398
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		64.421.451.461	64.072.294.668
- Các khoản dự phòng	03	V.6	23.800.000.000	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	844.119.180	(104.427.236)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.589.398.630)	(1.149.974.667)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	31.674.491.214	38.334.615.332
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		372.399.463.529	245.002.012.495
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(31.609.398.361)	60.563.937
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(5.329.634.650)	(2.610.549.322)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		49.469.895.080	1.998.780.749
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		1.205.526.165	5.968.459.015
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	
- Tiền lãi vay đã trả	14		(31.412.298.820)	(39.139.536.579)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(12.561.674.786)	(7.032.486.843)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(10.195.394.600)	(3.010.385.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>331.966.483.557</b>	<b>201.236.858.452</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(5.682.359.597)	(7.565.637.639)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		161.000.000	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(51.000.000.000)	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		50.000.000.000	438.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(49.083.198.464)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		898.398.630	1.149.974.667
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(5.622.960.967)</b>	<b>(55.060.861.436)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19, Tòa nhà Vinaconex, số 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

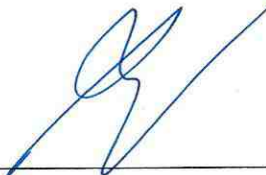
## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.18	119.940.155.148	
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.16	259.756.443.279	263.869.551.191
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(437.706.024.437)	(365.665.716.120)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(174.459.700.629)	(75.020.135.685)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(232.469.126.639)</b>	<b>(176.816.300.614)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>93.874.395.951</b>	<b>(30.640.303.598)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>6.277.830.941</b>	<b>36.918.134.539</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>100.152.226.892</b>	<b>6.277.830.941</b>

Người lập biểu



Nguyễn Việt Hoàng

Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Bình

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2019



Tổng Giám đốc

Phạm Bảo Long

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

### BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

#### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

##### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Năng lượng Vinaconex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

##### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, xây lắp.

##### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất và kinh doanh điện năng, xây lắp thủy điện.

##### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

##### 5. Cấu trúc Công ty

###### Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng	Tầng 2, Khu quản lý điều hành các công trình Thủy điện, xã Cẩm Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất, kinh doanh điện năng	51%	51%	51%
Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh	Tầng 2, Khu quản lý điều hành các công trình Thủy điện, xã Cẩm Xuân, huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa	Sản xuất, kinh doanh điện năng	51%	51%	51%

##### 6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

##### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 143 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 138 nhân viên).

#### II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

##### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với khoản vay có gốc ngoại tệ: tỷ giá do Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam thông báo.



# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### *Các khoản đầu tư vào công ty con*

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

#### *Ghi nhận ban đầu*

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

#### *Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con*

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### 5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Phụ tùng thay thế: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

### 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí thuê trụ sở, công cụ dụng cụ và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### **Công cụ, dụng cụ**

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

### **Tiền thuê văn phòng trả trước**

Tiền thuê văn phòng trả trước thể hiện khoản tiền thuê văn phòng đã trả mà Công ty đang sử dụng. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (174 tháng).

## **8. Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

## **9. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 35
Máy móc và thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	5 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 7
Cây lâu năm	3

## **10. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 65 năm.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### 12. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 13. Vốn chủ sở hữu

#### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

#### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### 14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

#### *Doanh thu bán điện thành phẩm*

Doanh thu bán điện thành phẩm được ghi nhận dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và được Tổng Công ty Điện lực miền Bắc xác nhận.

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

#### *Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động*

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

#### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### 16. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy, đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

### 17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

### 18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### 20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

#### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	84.949.533	4.386.602.140
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	20.067.277.359	1.891.228.801
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng) (*)	80.000.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>100.152.226.892</b>	<b>6.277.830.941</b>

(\*) Trong đó, khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long là 30.000.000.000 VND được cầm cố để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng cầm cố giấy tờ có giá số 276/2018/HĐCC-PN/SHB.110600 ngày 26 tháng 12 năm 2018.

#### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào Công ty con. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

##### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng, có giá gốc bằng giá trị ghi sổ.

##### 2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng <sup>(i)</sup>	25.500.000.000		25.500.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh <sup>(ii)</sup>	76.500.000.000		76.500.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>102.000.000.000</b>		<b>102.000.000.000</b>	

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2801952893 đăng ký thay đổi lần 1 ngày 06 tháng 06 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng có tổng vốn điều lệ 50.000.000.000 VND, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng 25.500.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ theo đăng ký.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2802200078 đăng ký thay đổi lần 2 ngày 30 tháng 10 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thanh Hóa cấp, Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh có tổng vốn điều lệ 150.000.000.000 VND, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh 76.500.000.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư đủ theo đăng ký.

#### Tình hình hoạt động của các công ty con

Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh đã kết thúc giai đoạn xây dựng và đi vào hoạt động.  
Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng hoạt động bình thường.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***Giao dịch với các công ty con*

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng</b>		
Doanh thu dịch vụ tư vấn quản lý dự án cung cấp cho Công ty con	1.539.869.380	1.646.781.820
Doanh thu cho Công ty con thuê văn phòng và thuê tài sản		209.553.330
Vay tiền từ Công ty con		1.700.000.000
Chia cổ tức cho Công ty mẹ	1.530.000.000	1.020.000.000
<b>Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh</b>		
Góp vốn bằng tiền vào Công ty con		49.083.198.464
Doanh thu cho Công ty con thuê văn phòng và thuê tài sản	198.000.000	210.000.000
Doanh thu dịch vụ tư vấn giám sát	807.324.236	1.268.847.497
Vay tiền của Công ty con	4.000.000.000	17.000.000.000
Trả tiền vay Công ty con	43.434.000.000	
Doanh thu dịch vụ tư vấn đào tạo, quản lý vận hành cho Công ty con	2.085.300.000	
Doanh thu xây lắp cho Công ty con	112.481.165.711	120.506.224.339

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>48.642.442.334</b>	<b>3.470.707.040</b>
Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng	2.632.586.320	938.730.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh	46.009.856.014	2.531.977.040
<b>Phải thu các khách hàng khác</b>	<b>33.732.031.909</b>	<b>43.567.810.763</b>
Công ty Mua bán điện	33.497.465.587	43.527.810.763
Các khách hàng khác	234.566.322	40.000.000
<b>Cộng</b>	<b>82.374.474.243</b>	<b>47.038.517.803</b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Kính Vinaconex		539.409.223
Công ty TNHH Giải pháp và Thiết bị công nghiệp		661.377.805
Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Xây dựng Đá hoa cương Khôi Nguyên		814.607.464
Công ty Cổ phần Lilama 10		938.877.148
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 1 - PECCI	84.084.000	84.084.000
Công ty Cổ phần Quốc tế Phương Nga	40.000.000	
Công ty Cổ phần Du lịch Việt Nam – Hà Nội	200.000.000	
Các nhà cung cấp khác	26.750.000	881.645.431
<b>Cộng</b>	<b>350.834.000</b>	<b>3.920.001.071</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>2.748.440.000</b>		<b>999.440.000</b>	
Thù lao HĐQT, BKS	1.218.440.000		999.440.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng - Cổ tức phải thu	1.530.000.000			
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>38.845.690.032</b>	<b>(23.800.000.000)</b>	<b>39.222.081.040</b>	
Công ty TNHH Kỹ thuật Thương mại BALKAN	1.000.000.000		1.000.000.000	
Thuế TNCN phải thu CBNV	397.059.712		397.059.712	
Phải thu tiền hỗ trợ lãi suất sau đầu tư	36.700.511.129	(23.800.000.000)	36.700.511.129	
Tạm ứng	538.350.825		809.910.325	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	209.768.366		314.599.874	
<b>Cộng</b>	<b>41.594.130.032</b>	<b>(23.800.000.000)</b>	<b>40.221.521.040</b>	

**6. Nợ xấu**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Công ty chỉ có khoản nợ phải thu Ngân hàng Phát triển Việt Nam về tiền hỗ trợ lãi suất sau đầu tư được xếp loại là nợ xấu, khoản nợ này đã quá hạn 02 năm, giá gốc là 34 tỷ đồng, số đã dự phòng là 23,8 tỷ đồng

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm		
Trích lập dự phòng trong năm	23.800.000.000	
<b>Số cuối năm</b>	<b>23.800.000.000</b>	

**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phụ tùng thay thế	16.166.865.786		8.801.001.136	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang			2.036.230.000	
<b>Cộng</b>	<b>16.166.865.786</b>		<b>10.837.231.136</b>	

**8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công cụ, dụng cụ	390.339.000	48.863.016
Chi phí bảo hiểm	36.652.725	21.918.804
<b>Cộng</b>	<b>426.991.725</b>	<b>70.781.820</b>

**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê văn phòng	8.091.942.944	9.710.331.533
Công cụ dụng cụ	2.722.425.875	4.047.112.460
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	882.301.688	
Chi phí trả trước dài hạn khác	499.037.416	
<b>Cộng</b>	<b>12.195.707.923</b>	<b>13.757.443.993</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cây lâu năm	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	679.755.040.957	539.547.745.367	13.108.659.572	1.918.192.813	30.000.000	1.234.359.638.709
Mua trong năm		3.018.494.400	732.213.636	458.821.682		4.209.529.718
Thanh lý, nhượng bán			(538.019.857)			(538.019.857)
<b>Số cuối năm</b>	<b>679.755.040.957</b>	<b>542.566.239.767</b>	<b>13.302.853.351</b>	<b>2.377.014.495</b>	<b>30.000.000</b>	<b>1.238.031.148.570</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	157.267.000	975.278.614	4.620.018.897	957.332.813		6.709.897.324
Chờ thanh lý						
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	173.069.681.776	261.810.469.603	6.857.478.883	965.535.660	14.166.661	442.717.332.583
Khấu hao trong năm	23.921.831.088	36.008.997.478	1.139.637.043	264.062.784	9.999.996	61.344.528.389
Thanh lý, nhượng bán			(538.019.857)			(538.019.857)
<b>Số cuối năm</b>	<b>196.991.512.864</b>	<b>297.819.467.081</b>	<b>7.459.096.069</b>	<b>1.229.598.444</b>	<b>24.166.657</b>	<b>503.523.841.115</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	506.685.359.181	277.737.275.764	6.251.180.689	952.657.153	15.833.339	791.642.306.126
<b>Số cuối năm</b>	<b>482.763.528.093</b>	<b>244.746.772.686</b>	<b>5.843.757.282</b>	<b>1.147.416.051</b>	<b>5.833.343</b>	<b>734.507.307.455</b>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng						
Đang chờ thanh lý						

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 728.023.702.961 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty.

**10. Tài sản cố định vô hình**

Là quyền sử dụng đất có thời hạn:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	200.000.000.000	22.314.014.748	177.685.985.252
Tăng trong năm		3.076.923.072	
Giảm trong năm			(3.076.923.072)
<b>Số cuối năm</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>25.390.937.820</b>	<b>174.609.062.180</b>

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công trình thủy điện Xuân Mỹ	91.832.017	800.904.277
Công trình thủy điện Xuân Khao	3.313.416.885	1.910.020.978
Dự án nước sạch Vinaconex Thường Xuân	778.506.232	
<b>Cộng</b>	<b>4.183.755.134</b>	<b>2.710.925.255</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****12. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải trả các bên liên quan</i></b>	<b>24.291.865.104</b>	<b>7.754.891.704</b>
Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	27.000.904	1.200.000
Tổng công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP	7.488.132.704	5.820.705.245
Tổng công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP	16.776.731.496	1.932.986.459
<b><i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i></b>	<b>39.001.509.604</b>	<b>9.491.596.004</b>
Công ty TNHH Một thành viên Sông Chu	20.954.022.274	83.655.000
Công ty TNHH Xây dựng Thương mại Toàn Thắng	9.240.927.033	5.243.127.842
Phải trả các nhà cung cấp khác	8.806.560.297	4.164.813.162
<b>Cộng</b>	<b><u>63.293.374.708</u></b>	<b><u>17.246.487.708</u></b>

***Nợ quá hạn chưa thanh toán***

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

**13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.458.061.505	55.040.310.750	(52.292.634.191)	6.205.738.064
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.061.674.785	14.754.210.351	(12.561.674.786)	8.254.210.350
Thuế thu nhập cá nhân	1.054.316.610	10.815.443.784	(9.405.177.004)	2.464.583.390
Thuế tài nguyên	4.151.943.936	47.756.511.012	(46.652.706.208)	5.255.748.740
Thuế môn bài		4.500.000	(4.500.000)	
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	4.335.259.660	19.983.545.712	(19.920.768.136)	4.398.037.236
<b>Cộng</b>	<b><u>19.061.256.496</u></b>	<b><u>148.354.521.609</u></b>	<b><u>(140.837.460.325)</u></b>	<b><u>26.578.317.780</u></b>

***Thuế giá trị gia tăng***

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

***Thuế thu nhập doanh nghiệp***

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho thu nhập từ hoạt động sản xuất và kinh doanh điện năng với thuế suất 10% trong 15 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động (từ năm 2010 đến năm 2024), được miễn thuế trong 04 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án (từ năm 2010 đến năm 2013) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2014 đến năm 2022). Năm 2018 là năm thứ 5 Công ty được giảm 50% số thuế phải nộp.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	254.248.800.304	143.849.504.398
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	24.824.434.192	254.206.370
- Các khoản điều chỉnh giảm	24.824.434.192	254.206.370
Thu nhập chịu thuế	279.073.234.496	144.103.710.768
Thu nhập được miễn thuế	(1.530.000.000)	(1.020.000.000)
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	277.543.234.496	143.083.710.768
<i>Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính hưởng ưu đãi</i>	271.696.243.655	137.967.115.786
<i>Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chính không được hưởng ưu đãi</i>	5.664.030.841	5.116.594.982
<i>Thu nhập từ hoạt động khác</i>	182.960.000	
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>55.508.646.900</b>	<b>28.616.742.154</b>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	<i>(27.169.624.366)</i>	<i>(13.796.711.579)</i>
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm</i>	<i>(13.584.812.183)</i>	<i>(6.898.355.789)</i>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>14.754.210.351</b>	<b>7.921.674.786</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>		<b>30.189.019</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>14.754.210.351</b>	<b>7.951.863.805</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Thuế tài nguyên**

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác thủy điện với mức là: 1.720,65 VND/KWh x thuế suất (5%) x Sản lượng.

**Phí môi trường rừng**

Công ty phải nộp Phí môi trường rừng cho hoạt động khai thác thủy điện với mức là: 36 VND/KWh x Sản lượng.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	369.339.730	745.974.278
Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam - Chi phí lãi vay phải trả	369.339.730	745.974.278
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.714.896.596	1.667.178.044
Chi phí lãi vay phải trả	1.714.896.596	1.452.704.202
Chi phí thí nghiệm		214.473.842
<b>Cộng</b>	<b>2.084.236.326</b>	<b>2.413.152.322</b>

**15. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác****15a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ tức phải trả	19.898.588.596	8.538.310.725
Kinh phí công đoàn	177.053.409	
Bảo hiểm xã hội	34.507.884	
Bảo hiểm y tế	15.939.281	4.501.217
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.184.380	
<b>Cộng</b>	<b>20.128.273.550</b>	<b>8.542.811.942</b>

**15b. Phải trả dài hạn khác**

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

**16. Vay ngắn hạn/dài hạn****16a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn bên liên quan</i>		<b>39.634.000.000</b>
Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh		39.434.000.000
Bà Đinh Thái Hà		200.000.000
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<b>96.394.804.304</b>	<b>49.534.940.475</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình <sup>(i)</sup>	8.225.978.719	14.914.564.956
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương <sup>(ii)</sup>	3.294.340.058	14.620.375.519
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam <sup>(iii)</sup>	34.427.457.410	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long <sup>(iv)</sup>	50.447.028.117	
<i>Vay ngắn hạn các cá nhân <sup>(v)</sup></i>	<b>10.533.700.000</b>	<b>87.216.755.556</b>
Bà Phan Thị Loan		5.000.000.000
Bà Lê Thị An		15.000.000.000
Bà Đàm Thị Thúy Mùi	10.438.700.000	20.534.755.556
Ông Phạm Minh Hùng		10.000.000.000
Các cá nhân khác	95.000.000	36.682.000.000

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINA CONEX

Địa chỉ: Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.16b)</i>	<i>150.751.506.396</i>	<i>110.447.390.363</i>
Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Bên liên quan) <sup>(vi)</sup>	40.291.506.396	39.447.390.363
Các ngân hàng	<u>110.460.000.000</u>	<u>71.000.000.000</u>
<b>Cộng</b>	<b><u>257.680.010.700</u></b>	<b><u>286.833.086.394</u></b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay không có tài sản đảm bảo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Ba Đình theo từng hợp đồng vay để thanh toán tiền lương với thời hạn vay không quá 06 tháng, lãi suất là 7%/năm.
- (ii) Khoản vay không có tài sản đảm bảo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương theo từng hợp đồng vay để thanh toán tiền thuế tài nguyên, phí dịch vụ, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất là 7%/năm.
- (iii) Khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh Hà Nam theo hợp đồng vay số 30/18/HDHM/5C92 ngày 13 tháng 2 năm 2018 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung hợp đồng vay số 30/18/HDHM/5C92 ngày 19 tháng 12 năm 2018, giá trị hạn mức là 50 tỷ đồng, để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh điện, thời hạn cấp hạn mức là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất là 7%/năm. Khoản vay được bảo đảm bằng thế chấp xe Toyota Landcruiser VXJ202L – GENTER.
- (iv) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long theo thông báo số 199/TB-SHBTL ngày 20/04/2018 về việc chấp thuận việc cấp hạn mức tín dụng ngắn hạn, giá trị hạn mức là 25 tỷ đồng, để bổ sung vốn lưu động phục vụ vận hành nhà máy thủy điện Cửa Đạt với lãi suất thả nổi được điều chỉnh 03 tháng 1 lần, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng từ ngày ký hợp đồng, thời hạn mỗi khoản vay được quy định theo từng kế ước. Khoản vay này được đảm bảo bằng doanh thu chuyển về tài khoản của Công ty tại ngân hàng.
- Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh Thăng Long theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 650/2018/HĐTDNH-PN/SHB.110600 ngày 26 tháng 12 năm 2018 để trả cổ tức năm 2018, vay số tiền là 28 tỷ đồng, lãi suất cho vay trong hạn là 5,1%/năm, khoản vay được cầm cố bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 0110/091018/HDTG/SHB.110600 trị giá 30 tỷ đồng.
- (v) Khoản vay không có tài sản đảm bảo của các cá nhân để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 8%/năm, thời hạn vay 06 tháng.
- (vi) Khoản vay Ngân hàng BNP Paribas thông qua Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam (Vinaconex). Theo đó, Vinaconex đứng ra vay Ngân hàng BNP Paribas theo hợp đồng số 27/CD-VNN/2006 với hạn mức là 15.555.000 USD, mục đích để thanh toán nhập khẩu máy móc thiết bị cho Nhà máy Thủy điện Cửa Đạt và Hợp đồng số 28/CD-VNN/2006 ngày 10/10/2006 với hạn mức là 2.500.000 USD để thanh toán phí bảo hiểm tín dụng và lãi vay. Công ty ký hợp đồng vay lại của Vinaconex số tiền trên theo Hợp đồng cho vay lại vốn số 01/HĐTD-VC-TĐCĐ ngày 12/10/2006 và số 02/HĐTD-VC-TĐCĐ ngày 12/10/2006 lần lượt tương ứng với 2 hợp đồng trên. Thời hạn cho vay là 13 năm, ân hạn trả nợ gốc là 3 năm; lãi suất cho vay áp dụng theo Hợp đồng số 01/HĐTD-VC-TĐCĐ là lãi suất LIBOR kỳ hạn 6 tháng +0,7%/năm và Hợp đồng số 02/HĐTD-VC-TĐCĐ là lãi suất LIBOR USD 6 tháng +1,85%/năm, kỳ hạn thanh toán gốc và lãi của khoản vay là 6 tháng/lần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
Vay ngắn hạn bên liên quan	39.634.000.000	5.650.000.000		(45.284.000.000)		
Vay ngắn hạn ngân hàng	49.534.940.475	190.476.579.279		(143.616.715.450)		96.394.804.304
Vay ngắn hạn các cá nhân	87.216.755.556	61.329.864.000		(138.012.919.556)		10.533.700.000
Vay dài hạn đến hạn trả bên liên quan	39.447.390.363		39.447.386.284	(39.447.389.431)	844.119.180	40.291.506.396
Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng	71.000.000.000		110.805.000.000	(71.345.000.000)		110.460.000.000
<b>Cộng</b>	<b>286.833.086.394</b>	<b>257.456.443.279</b>	<b>150.252.386.284</b>	<b>(437.706.024.437)</b>	<b>844.119.180</b>	<b>257.680.010.700</b>

**16b. Vay dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Vay dài hạn bên liên quan</b>		<b>39.447.386.284</b>
Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam		39.447.386.284
<b>Vay dài hạn ngân hàng</b>	<b>67.849.938.125</b>	<b>176.354.938.125</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương <sup>(i)</sup>	66.354.938.125	176.354.938.125
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nam <sup>(ii)</sup>	1.495.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>67.849.938.125</b>	<b>215.802.324.409</b>

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương để tái tài trợ khoản vay dài hạn của Bên vay tại 4 tổ chức tín dụng: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Nam Hà Nội, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hà Nội; Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Thanh Hóa, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Thanh Hóa mà bên vay vốn để đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện Cửa Đạt, thời hạn vay đến ngày 25 tháng 05 năm 2020, thời gian ân hạn là 0 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 7,5%/năm và có giá trị trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Trong vòng 02 năm tiếp theo sẽ áp dụng lãi suất thả nổi được xác định bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng cộng biên độ tối thiểu 2,5%/năm. Các năm còn lại sẽ áp dụng lãi suất thả nổi được xác định bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng cộng biên độ tối thiểu 2,7%/năm. Lãi suất năm 2018 là 7%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ tài sản tại Dự án Thủy điện Cửa Đạt.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Hà Nam để mua xe Toyota Landcruiser VXJ202L - GNTER; thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày 12/02/2018. Lãi suất 8,6%/năm, cố định 2 năm kể từ ngày giải ngân. Sau thời gian ưu đãi trên, lãi suất cho vay bằng lãi suất huy động tiết kiệm VNĐ cá nhân kỳ hạn 12 tháng trả sau tại Ngân hàng cộng 3,3%. Lãi suất cho vay được điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Nợ gốc được trả đều làm 20 kỳ, 03 tháng/01 kỳ, mỗi kỳ trả 115.000.000 VNĐ. Nợ gốc được trả ngày 26 của tháng cuối kỳ. Khoản vay được bảo đảm bằng thế chấp xe Toyota Landcruiser VXJ202L - GNTER.

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Tổng nợ</u>	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>
<b>Số cuối năm</b>				
Vay dài hạn bên liên quan	40.291.506.396	40.291.506.396		
Vay dài hạn ngân hàng	178.309.938.125	110.460.000.000	67.849.938.125	
<b>Cộng</b>	<b>218.601.444.521</b>	<b>150.751.506.396</b>	<b>67.849.938.125</b>	
<b>Số đầu năm</b>				
Vay dài hạn bên liên quan	78.894.776.647	39.447.390.363	39.447.386.284	
Vay dài hạn ngân hàng	247.354.938.125	71.000.000.000	176.354.938.125	
<b>Cộng</b>	<b>326.249.714.772</b>	<b>110.447.390.363</b>	<b>215.802.324.409</b>	

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay dài hạn bên liên quan	39.447.386.284		(39.447.386.284)	
Vay dài hạn ngân hàng	176.354.938.125	2.300.000.000	(110.805.000.000)	67.849.938.125
<b>Cộng</b>	<b>215.802.324.409</b>	<b>2.300.000.000</b>	<b>(150.252.386.284)</b>	<b>67.849.938.125</b>

**17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	603.497.649	149.882.649
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	6.794.882.000	3.464.000.000
Chi quỹ	(4.748.732.600)	(3.010.385.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>2.649.647.049</b>	<b>603.497.649</b>

**18. Vốn chủ sở hữu****18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm trước	455.999.950.000			115.873.747.185	571.873.697.185
Lợi nhuận trong năm trước				135.897.640.593	135.897.640.593
Chia cổ tức				(68.399.992.500)	(68.399.992.500)
Trích lập các quỹ				(3.464.000.000)	(3.464.000.000)
Thù lao HĐQT, BKS				(1.056.000.000)	(1.056.000.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>455.999.950.000</b>			<b>178.851.395.278</b>	<b>634.851.345.278</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</b>	<b>Cộng</b>
Số dư đầu năm nay	455.999.950.000			178.851.395.278	634.851.345.278
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền <sup>(*)</sup>	113.999.980.000	6.157.775.148			120.157.755.148
Chi phí phát hành cổ phiếu		(217.600.000)			(217.600.000)
Lợi nhuận trong năm nay				239.494.589.953	239.494.589.953
Trích lập các quỹ			29.589.351.149	(36.384.233.149)	(6.794.882.000)
Chia cổ tức				(100.319.989.000)	(100.319.989.000)
Thưởng cho Ban quản lý, điều hành				(4.390.662.000)	(4.390.662.000)
Thù lao HĐQT, BKS				(1.056.000.000)	(1.056.000.000)
Tạm ứng cổ tức				(85.499.989.500)	(85.499.989.500)
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>569.999.930.000</b>	<b>5.940.175.148</b>	<b>29.589.351.149</b>	<b>190.695.111.582</b>	<b>796.224.567.879</b>

(\*) Trong năm, Công ty đã phát hành 11.399.998 cổ phiếu thông qua hình thức chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và chào bán theo chương trình lựa chọn của người lao động. Tổng số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu trong năm là 120.157.755.148 đồng được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ.

**18b. Cổ phiếu**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	56.999.993	45.599.995
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	56.999.993	45.599.995
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	56.999.993	45.599.995

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

**18c. Phân phối lợi nhuận**

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 số 03/2018/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 3 năm 2018 như sau:

	<b>VND</b>
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 100.319.989.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 29.589.351.149
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 6.794.882.000
• Thưởng cho Ban quản lý, điều hành	: 4.390.662.000
• Thù lao HĐQT, BKS	: 1.056.000.000

Ngày 12 tháng 11 năm 2018, Hội đồng quản trị Công ty đã ra Quyết định số 44/2018/QĐ - HĐQT về việc tạm ứng cổ tức năm 2018 là 15% mệnh giá cổ phiếu, tương đương 1.500 đồng/cổ phiếu, tổng số tiền tạm ứng cổ tức là 85.499.989.500 đồng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

##### 1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán điện	469.488.090.362	302.882.687.934
Doanh thu hợp đồng xây dựng	112.760.355.505	120.506.224.339
Doanh thu cung cấp dịch vụ	5.629.385.380	4.430.443.835
<b>Cộng</b>	<b><u>587.877.831.247</u></b>	<b><u>427.819.356.108</u></b>

##### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty chỉ phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Tổng công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP (cổ đông góp vốn) với số tiền là 279.189.794 VND (năm trước là 165.576.149 VND).

#### 2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn bán điện	124.671.157.301	98.253.251.866
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	107.256.741.781	115.488.463.205
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.851.509.912	4.331.609.987
<b>Cộng</b>	<b><u>236.779.408.994</u></b>	<b><u>218.073.325.058</u></b>

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	773.083.764	183.757.843
Lãi tiền cho vay	230.136.986	
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.530.000.000	1.020.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	35.016	104.427.236
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		141.977.938
<b>Cộng</b>	<b><u>2.533.255.766</u></b>	<b><u>1.450.163.017</u></b>

#### 4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	31.674.491.214	38.334.615.332
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	760.191.711	41.845.319
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	844.119.180	
Chi phí tài chính khác	502.921.325	598.978.445
<b>Cộng</b>	<b><u>33.781.723.430</u></b>	<b><u>38.975.439.096</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	24.003.401.608	14.333.568.584
Chi phí vật liệu quản lý	2.100.000	108.074.048
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.776.144.764	103.088.695
Chi phí khấu hao tài sản cố định	952.411.399	706.258.049
Thuế, phí và lệ phí	13.000.000	33.312.532
Chi phí dự phòng	23.800.000.000	
Chi phí thuê văn phòng	981.840.491	939.462.910
Chi phí tiếp khách, hội nghị, khánh tiết	5.345.288.225	3.102.370.090
Chi phí công tác	1.817.213.140	191.149.907
Chi phí du lịch	1.294.329.883	905.787.562
Các chi phí khác	4.798.151.560	7.900.051.067
<b>Cộng</b>	<b><u><u>65.783.881.070</u></u></b>	<b><u><u>28.323.123.444</u></u></b>

**6. Thu nhập khác**

Là khoản thu từ thanh lý tài sản cố định, vật tư.

**7. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi chậm nộp tiền bảo hiểm	233.215	
Thuế bị phạt, bị truy thu		48.127.129
<b>Cộng</b>	<b><u><u>233.215</u></u></b>	<b><u><u>48.127.129</u></u></b>

**8. Lãi trên cổ phiếu**

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.276.652.536	6.135.774.053
Chi phí nhân công	54.284.705.474	38.153.344.901
Chi phí khấu hao tài sản cố định	64.421.451.461	64.072.294.668
Chi phí dịch vụ mua ngoài	112.121.881.084	118.686.459.327
<i>Trong đó, Chi phí thuê thầu phụ</i>	<i>101.777.605.229</i>	<i>115.621.970.621</i>
Chi phí khác	63.422.369.509	65.261.010.143
<b>Cộng</b>	<b><u><u>300.527.060.064</u></u></b>	<b><u><u>292.308.883.092</u></u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### 1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác trong năm chỉ có giao dịch về khoản đi vay, trả nợ gốc vay ngắn hạn và trả lãi vay với cá nhân có liên quan – Bà Đinh Thái Hà là vợ của Tổng Giám đốc Công ty với số tiền lần lượt là 1.650.000.000 VND, 1.850.000.000 VND và 24.288.889 VND, lãi suất là 8%/năm (cùng kỳ năm trước số tiền đi vay, trả nợ gốc vay ngắn hạn và trả nợ lãi vay cho Bà Đinh Thái Hà lần lượt là 500.000.000 VND, 1.620.000.000 VND và 72.186.667 VND).

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.16a.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt*

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	6.715.105.269	1.745.395.238
Phụ cấp	420.000.000	481.305.238
Thưởng cho Ban quản lý, điều hành	4.390.662.000	
Thù lao HĐQT, BKS	1.275.000.000	1.056.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>12.800.767.269</u></b>	<b><u>3.282.700.476</u></b>

#### 1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam	Cổ đông góp vốn
Tổng công ty Sông Đà - CTCP	Cổ đông góp vốn
Tổng công ty Xây dựng Thủy lợi 4	Cổ đông góp vốn
Tổng công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP	Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ phần Đầu tư VSD	Cổ đông góp vốn
Công ty Cổ phần Thủy điện Bái Thượng	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Xuân Minh	Công ty con

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX

Địa chỉ: Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Xây dựng Việt Nam</b>		
Phải trả phí bảo lãnh khoản vay	405.421.325	
Phải trả chi phí lãi vay	2.339.100.879	38.334.615.332
Trả nợ gốc vay	39.447.389.431	39.491.263.013
<b>Tổng công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP</b>		
Tạm ứng thực hiện gói thầu xây dựng		4.242.669.900
Thanh toán giá trị khối lượng xây lắp hoàn thành	6.744.128.842	19.925.512.225
Chuyển tiền cho vay	50.000.000.000	
Thu tiền cho vay	50.000.000.000	
Phải thu lãi cho vay	230.136.986	
<b>Tổng công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP</b>		
Thanh toán giá trị khối lượng xây lắp hoàn thành	42.241.015.022	41.371.522.600

### *Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5a, V.12, V.14 và V.16.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

## **2. Thông tin về bộ phận**

### **2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực kinh doanh điện.
- Lĩnh vực khác: Xây lắp, dịch vụ.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

	<b>Lĩnh vực kinh doanh điện</b>	<b>Lĩnh vực khác</b>	<b>Cộng</b>
<b>Năm nay</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	469.488.090.362	118.389.740.885	587.877.831.247
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>469.488.090.362</b>	<b>118.389.740.885</b>	<b>587.877.831.247</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	344.816.933.061	6.281.489.192	351.098.422.253
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			65.783.881.070
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			285.314.541.183
Doanh thu hoạt động tài chính			2.533.255.766
Chi phí tài chính			33.781.723.430
Thu nhập khác			182.960.000
Chi phí khác			233.215
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			14.754.210.351
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>239.494.589.953</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>6.863.773.426</b>		<b>6.863.773.426</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>65.560.508.167</b>		<b>65.560.508.167</b>
<b>Năm trước</b>			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	302.882.687.934	124.936.668.174	427.819.356.108
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>302.882.687.934</b>	<b>124.936.668.174</b>	<b>427.819.356.108</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	204.629.436.068	5.116.594.982	209.746.031.050
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			28.323.123.444
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			181.422.907.606
Doanh thu hoạt động tài chính			1.450.163.017
Chi phí tài chính			38.975.439.096
Thu nhập khác			
Chi phí khác			48.127.129
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			7.951.863.805
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>			<b>135.897.640.593</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>5.910.234.348</b>		<b>5.910.234.348</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>70.149.766.741</b>		<b>70.149.766.741</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NĂNG LƯỢNG VINACONEX**

Địa chỉ: Địa chỉ: Tầng 19 Tòa nhà Vinaconex, 34 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<b>Lĩnh vực kinh doanh điện</b>	<b>Lĩnh vực khác</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối năm</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	984.303.911.785	49.966.526.334	1.034.270.438.119
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			211.490.917.251
<b>Tổng tài sản</b>			<b>1.245.761.355.370</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	327.244.845.421	63.293.374.708	390.538.220.129
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			58.998.567.362
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>449.536.787.491</b>
<b>Số đầu năm</b>			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.049.556.613.270	9.461.208.680	1.059.017.821.950
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			137.144.722.487
<b>Tổng tài sản</b>			<b>1.196.162.544.437</b>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	340.870.090.291	12.996.819.546	353.866.909.837
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			207.444.289.322
<b>Tổng nợ phải trả</b>			<b>561.311.199.159</b>

**3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 30 tháng 01 năm 2019

Người lập biểu

Nguyễn Viết Hoàng

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Bình

Tổng Giám đốc



Phạm Bảo Long